

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 20 tháng 9 năm 2017  
V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Thế Chiến

2/ Bà Bùi Thị Thiềm

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hữu Soái – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị sống chung với anh Nguyễn Trường G vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 24/6/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra xô xát, anh G hay đánh đập vợ con. Nhiều lần chị đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng anh G không thay đổi, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị L và anh G có 04 con chung là  
1/ Cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1998 (đã lập gia đình).  
2/ Cháu Nguyễn Trường D1, sinh ngày 17/12/2000.  
3/ Cháu Nguyễn Tấn D2, sinh ngày 01/10/2002.  
4/ Cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25/02/2014.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A, đến tuổi trưởng thành, giao hai cháu Nguyễn Trường D1 và cháu Nguyễn Tấn D2 cho anh G nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Nguyễn Thị Bích T đã trưởng thành có gia đình nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, đến ngày 31/7/2017 chị đã làm đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:

Vào ngày 22/6/1997, anh làm đám cưới với chị Nguyễn Thị L do anh chị tự nguyện, đến ngày 24/6/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K. Vợ chồng anh có 04 con chung như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng như chị L trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn chị L đã tự ý bỏ nhà đi. Vì các con còn nhỏ anh sẵn sàng tha thứ cho chị L, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng làm ăn nuôi dạy con cái trưởng thành. Nếu chị L nhất quyết xin ly hôn thì chị L cứ đơn phương xin ly hôn, còn anh không ly hôn.

Về con chung: Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng A sinh ngày 25/02/2014, giao hai cháu D1 và cháu D2 cho chị L nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị L đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng A cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị nhận nuôi cháu D1 và cháu D2,

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

1. Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, đảm bảo; việc ban hành các văn bản tố tụng đảm bảo về nội dung và hình thức; việc gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho

Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định. HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm, thành phần HĐXX và thư ký phiên toà đúng quy định; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 71 của BLTTDS.

*2/ Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị L ly hôn anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa chị L với anh G, anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25/02/2014. Chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trường D1 và cháu Nguyễn Tấn D2.

Chị L và anh G không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Thị Bích T đã trưởng thành lập gia đình nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phân chia tài sản chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2017, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Ana giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Trường G, về việc nuôi con chung và chia tài sản chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Trường G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đến ngày 24/6/2002 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Quá trình chung sống giữa chị L và anh G, anh chị sống hạnh phúc với nhau từ năm 1997 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình hai người không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và G tại địa phương ngày 14/8/2017 xác định được: Mâu thuẫn giữa anh G, chị L đã xảy ra từ mấy năm nay, anh G thường đánh đập chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ghen tuông, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị đã đến mức trầm

trọng, không thể hàn gắn được. HĐXX xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh G đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh G là phù hợp.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị L và anh G thỏa thuận được về việc nuôi con chung, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Trường D1, sinh ngày 17/12/2000 và Nguyễn Tấn D2, sinh ngày 01/10/2002.

Anh Nguyễn Trường G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25/02/2014.

Riêng cháu Nguyễn Thị Bích T đã trưởng thành có gia đình nên không đề cập giải quyết.

Chị L và anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị L và anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Ngày 31/7/2017, nguyên đơn chị L làm đơn xin rút một phần đơn khởi kiện về phân chia tài sản chung vợ chồng, việc rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004017 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana. Hoàn trả cho chị L số tiền 11.700.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Trường D1, sinh ngày 17/12/2000 và Nguyễn Tấn D2, sinh ngày 01/10/2002.

Anh Nguyễn Trường G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Hoàng A sinh ngày 25/02/2014.

Chị L và anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung:**

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung vợ chồng. Chị L và anh G có quyền khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 12.000.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004017 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana. Hoàn trả cho chị L số tiền 11.700.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Tuyên**